

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 237/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-10-2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ

Các vị Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mầm

2. Ông Võ Tấn Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc San là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 10 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm V – sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp TTA, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau

2. *Bị đơn:* Anh Lữ Quốc T – sinh năm 1990 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp BB, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 – 5 – 2020, trong quá giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm V trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Lữ Quốc T kết hôn vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PD, huyện TVT, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị và anh T bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau.

Gia đình hai bên có tổ chức hàn gắn nhưng không có kết quả, đến ngày 17/7/2018 chị và anh T đã sống ly thân, chị về nhà cha mẹ ruột chị ở. Nay xét thấy đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lữ Quốc T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa chị và anh T có 01 con chung tên Lữ Hồng Nh, sinh ngày 28/5/2018, hiện nay con đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống giữa chị và anh T có được 03 chỉ vàng 24k là tài sản chung của vợ chồng. Giữa chị và anh T tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ ai cũng không ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản hòa giải ngày 29 – 9 – 2020 bị đơn anh Lữ Quốc T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh thống nhất với toàn bộ lời trình bày của chị V. Nay xét thấy đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn với chị V.

Về con chung: Anh và chị V có 01 con chung tên Lữ Hồng Nh, sinh ngày 28/5/2018, hiện nay con đang sống chung với chị V. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống giữa anh và chị V có 07 chỉ vàng 24k là tài sản chung của vợ chồng, sau đó đã bán 04 chỉ để chi tiêu và nuôi con, hiện còn lại 03 chỉ. Anh yêu cầu rút lại yêu cầu phản tố đối với chị V về việc chia đôi 07 chỉ vàng 24k và 07 phân vàng 18k để anh và chị V tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị xác định trong thời gian chung sống anh và chị V không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 29 – 9 – 2020.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Cẩm V và anh Lữ Quốc T là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh T có địa chỉ tại ấp BB, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Anh Lữ Quốc T có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 29 – 9 – 2020. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử vắng mặt đối với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm V và anh Lữ Quốc T kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Do đó, hôn nhân của chị V và anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn đến năm 2018 thì giữa chị V và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Gia đình hai bên đã có tổ chức hàn gắn cho chị V và anh T nhưng anh chị vẫn không thể đoàn tụ, đến ngày 17/8/2018 thì chị V và anh T đã sống ly thân cho đến nay. Tại phiên hòa giải anh T đồng ý ly hôn với chị V. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị V và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị V được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Tính đến ngày xét xử con của chị V và anh T chưa đủ 36 tháng tuổi, hiện đang sống chung với chị V đã ổn định về đời sống và tâm lý, chị V yêu cầu nuôi con, tại biên bản hòa giải ngày 29 – 9 – 2020 anh T đồng ý giao con cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, cần tiếp tục giao con cho chị V nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tại đơn yêu cầu ngày 27 – 8 – 2020, anh T yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng là 07 chỉ vàng 24k và 07 phần vàng 18k. Tuy Nh tại phiên hòa giải ngày 29 – 9 – 2020, anh T rút lại yêu cầu đối với phần tài sản chung của vợ chồng để anh chị tự thỏa thuận. Xét thấy việc rút yêu cầu phản tố về tài sản chung của anh T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật

nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh T và trả lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Nếu sau này các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[5] Về nợ chung: Chị V và anh T xác định trong thời gian chung sống anh chị không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị V phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 9, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Cẩm V được ly hôn với anh Lữ Quốc T.

Về con chung: Giao con chung tên Lữ Hồng Nh, sinh ngày 28/5/2018 cho chị Nguyễn Thị Cẩm V tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lữ Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của anh T đối với yêu cầu chia tài sản chung là 07 chỉ vàng 24k và 07 phân vàng 18k.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, đối trừ số tiền tạm ứng án

phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005411 ngày 28/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, chị V nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Lữ Quốc T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 996.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005671 ngày 27/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm chị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn Văn Đệ